

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 116/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30 – 6 – 2020
“V/v tranh chấp ly hôn, chia tài sản
chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hồ Thị Út

Ông Trần Hiếu Đạo

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Nga – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Diện - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Cao Thị Phương T, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Khu vực 2, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang, có mặt.

2. Bị đơn: Nguyễn Linh N, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Khu vực 2, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Cao Thị Phương T trình bày: Chị Cao Thị Phương T và anh Nguyễn Linh N tự nguyện kết hôn vào năm 2019 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang vào ngày 22/11/2018. Vợ chồng chung sống đến tháng

6 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi, anh N thường xuyên nhậu nhẹt, không quan tâm, chăm sóc vợ con, cuộc sống chung không hạnh phúc nên chị T và anh N đã ly thân từ tháng 6 năm 2019 đến nay.

Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu ly hôn với anh N.

Về con chung và nợ chung: Không có.

Về tài sản chung: Chị T và anh N có tài sản chung là nữ trang ngày cưới gồm 13 chỉ 24k (loại 98%) nhưng vợ chồng đã sử dụng hết. Hiện nay tài sản chung không còn.

Bị đơn Nguyễn Linh N trình bày: Anh N thừa nhận lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn, con chung và nợ chung là đúng. Chị T yêu cầu ly hôn thì anh N đồng ý, về con chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Anh N và chị T có tài sản chung là 13 chỉ vàng loại vàng 24k 98% cụ thể như sau: 01 sợi dây chuyền 05 chỉ, 01 tấm lắc 05 chỉ, 02 chiếc nhẫn 02 chỉ và 01 đôi bông tai 01 chỉ. Hiện toàn bộ tài sản trên chị T đang quản lý. Anh N đồng ý để đôi bông tai 01 chỉ lại cho chị T và yêu cầu phân chia 12 chỉ vàng 24k, buộc chị T giao lại cho anh 06 chỉ vàng 24k.

Tại phiên tòa anh N đồng ý để lại cho chị T phần tài sản nhiều hơn là 07 chỉ vàng 24k, anh N chỉ yêu cầu được phân chia 05 chỉ vàng 24k.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm như sau: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa nguyên đơn Cao Thị Phương T và bị đơn Nguyễn Linh N. Về con chung và nợ chung không có nên không xem xét.

Về tài sản chung: Chị T và anh N có 13 chỉ vàng 24k (loại 98%), anh N đồng ý để lại đôi bông tai 01 chỉ cho chị T quản lý, còn lại 12 chỉ anh yêu cầu chia hai. Tại phiên tòa anh N đồng ý giao lại cho chị T phần tài sản nhiều hơn là 07 chỉ vàng 24k, anh yêu cầu chị T giao lại cho anh 05 chỉ vàng 24k. Tài sản chung chị T là người quản lý nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị T giao cho anh N 05 chỉ vàng 24k (loại 98%).

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ đã thể hiện trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án ly hôn, chia tài sản chung theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị Phương T và anh Nguyễn Linh N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Vợ chồng chung sống đến tháng 6 năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, cuộc sống chung không hạnh phúc nên chị Cao Thị Phương T và anh Nguyễn Linh N đã ly thân từ tháng 6 năm 2019 đến nay. Tại phiên tòa chị Cao Thị Phương T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và được anh N đồng ý, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của chị Cao Thị Phương T và anh Nguyễn Linh N.

[3] Về con chung: Không có nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị T và anh N có tài sản chung là nữ trang ngày cưới gồm 13 chỉ vàng 24k (loại 98%). Anh N đồng ý để lại cho chị T 01 đôi bông tai 01 chỉ, còn lại 12 chỉ anh yêu cầu chia đôi. Tại phiên tòa anh N đồng ý giao lại cho chị T phần tài sản nhiều hơn là 07 chỉ vàng 24k, anh yêu cầu chị T giao lại 05 chỉ vàng 24k. Chị T không đồng ý theo yêu cầu của anh N, chị là người quản lý tài sản nhưng sau khi cưới do không có việc làm nên vợ chồng đã chi xài hết 12 chỉ vàng.

Hội đồng xét xử xét thấy, tài sản chung của vợ chồng là 13 chỉ vàng 24k, (loại 98%). Chị T là người trực tiếp quản lý vàng nhưng chị đã bán để sử dụng chung trong gia đình, hiện nay tài sản không còn. Quá trình thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa chị T không chứng minh được việc bán tài sản để chi tiêu trong gia đình cũng như việc anh N không hay biết chị T bán tài sản chung. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”. Theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình “*tài sản chung của vợ chồng được chia đôi nhưng có tính đến các yếu tố sau đây: hoàn*

cánh gia đình của vợ, chồng; công sức đóng góp của vợ chồng về việc tạo lập, duy trì, phát triển khối tài sản chung... ”. Do đó yêu cầu của anh N chia hai số tài sản chung là 12 chỉ vàng 24k (loại 98%) là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa anh N đồng ý giao cho chị T phần tài sản nhiều hơn là 07 chỉ vàng và anh yêu cầu chị T giao lại 05 chỉ vàng 24k, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh N.

[6] Về nợ chung: Không phát sinh nên không xem xét.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Cao Thị Phương T phải chịu số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được chuyển 300.000 đồng từ tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0000290 ngày 26 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L thành án phí sơ thẩm.

Án phí chia tài sản: Nguyên đơn Cao Thị Phương T phải chịu số tiền 1.715.000 đồng. Bị đơn Nguyễn Linh N phải chịu số tiền 1.225.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí anh N đã nộp 675.000 đồng, theo biên lai thu số 0000392, ngày 14/5/2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L, số tiền còn lại anh N phải nộp là 550.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Và Điều 9; Điều 53, Điều 55; Điều 57; Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của chị Cao Thị Phương T và anh Nguyễn Linh N.

[2] Về con chung: Không có nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Buộc chị Cao Thị Phương T giao lại cho anh Nguyễn Linh N 05 chỉ vàng 24k, loại 98%.

[4] Về nợ chung: Không phát sinh nên không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Cao Thị Phương T phải chịu số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được chuyển 300.000 đồng từ tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0000290 ngày 26 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ thành án phí sơ thẩm.

Án phí chia tài sản: Nguyên đơn Cao Thị Phương T phải chịu số tiền 1.715.000 đồng. Bị đơn Nguyễn Linh N phải chịu số tiền 1.225.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí anh N đã nộp 675.000 đồng, theo biên lai thu số 0000392, ngày 14/5/2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L, số tiền còn lại anh N phải nộp là 550.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/6/2020).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- VKSND thị xã L;
- Chi cục THADS TX L;
- UBND phường T;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Trần Thanh Ngân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Hiếu Đạo

Hồ Thị Út

Trần T Ngân

